

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Anh [Chu Văn V](#), sinh năm 1993.

- Bị đơn: Chị [Lê Thị N](#), sinh năm 1995.

Đều địa chỉ: [Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#).

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh [Chu Văn V](#) và chị [Lê Thị N](#).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cho anh [Chu Văn V](#) trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu [Lê Khả N1](#), sinh ngày 21/10/2021.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị [Lê Thị N](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh [Chu Văn V](#) cho đến khi đương sự có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung và ruộng canh tác chung: Anh V và chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị N thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số đang sinh ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí. Anh Chu Văn V phải chịu 75.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0001896 ngày 16/01/2025 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Trả lại anh Chu Văn V số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai số biên lai số 0001896 ngày 16/01/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Tân Hiệp, Yên Thế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Toàn